

CHỦ ĐỀ 9: ĐỊA LÍ CÔNG NGHIỆP

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Trình bày được vai trò và đặc điểm của sản xuất công nghiệp.
- + Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.
- + Trình bày và giải thích được vai trò, đặc điểm và sự phân bố một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới.
- + Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

❖ Kỹ năng

- + Sử dụng bản đồ để nhận xét sự phân bố một số ngành công nghiệp.
- + Vẽ và phân tích biểu đồ tình hình sản xuất một số ngành công nghiệp

I. LÍ THUYẾT TRỌNG TÂM

VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG

1. Vai trò

- Công nghiệp có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.
- Thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác. Tất cả các ngành kinh tế đều sử dụng sản phẩm của công nghiệp.
- Khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, thay đổi sự phân công lao động, giảm mức độ chênh lệch phát triển giữa các vùng.
- Sản xuất ra nhiều sản phẩm mới mà không ngành sản xuất vật chất nào so sánh được → mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường lao động, tạo nhiều việc làm mới, tăng thu nhập.

2. Đặc điểm

- Sản xuất công nghiệp bao gồm hai giai đoạn:



- Sản xuất công nghiệp có tính tập trung cao độ.
- Sản xuất công nghiệp bao gồm nhiều ngành phức tạp, được phân công tỉ mỉ và có sự phối hợp giữa nhiều ngành để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

3. Các nhân tố ảnh hưởng

a. Vị trí địa lý

Tự nhiên, kinh tế, chính trị: có tác động lớn đến việc lựa chọn địa điểm để xây dựng các nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất.

b. Tự nhiên

Khoáng sản, khí hậu - nước, đất, rừng, biển: là nhân tố quan trọng cho sự phát triển và phân bố công nghiệp.

c. Kinh tế - xã hội

Dân cư - lao động; tiến bộ khoa học kỹ thuật; thị trường; cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật; đường lối chính sách: có vai trò quyết định đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.

CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG

1. Vai trò

-
- Là một trong những ngành kinh tế quan trọng và cơ bản của mỗi quốc gia.
 - Là tiền đề của tiến bộ khoa học - kỹ thuật.

2. Khai thác than

a. Vai trò

- Nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện, luyện kim.
- Nguyên liệu cho công nghiệp hóa học, dược phẩm.

b. Trữ lượng

Ước tính 13 000 tỉ tấn.

c. Sản lượng

Khoảng 5 tỉ tấn/năm.

d. Phân bố

Chủ yếu ở bán cầu Bắc, các nước có trữ lượng than lớn: Hoa Kỳ, Trung Quốc.

3. Khai thác dầu

a. Vai trò

- Là nhiên liệu quan trọng, “vàng đen” của nhiều quốc gia.
- Nguyên liệu sản xuất hóa phẩm, dược phẩm.

b. Trữ lượng

Ước tính 400 - 500 tỉ tấn

c. Sản lượng

Khoảng 3,8 tỉ tấn/năm.

d. Phân bố

Tập trung ở các nước đang phát triển thuộc khu vực Trung Đông, Bắc Phi.

4. Công nghiệp điện lực

a. Vai trò

- Cơ sở phát triển nền công nghiệp hiện đại. Đẩy mạnh tiến bộ khoa học - kỹ thuật.
- Đáp ứng đời sống văn hóa, văn minh của con người.

b. Trữ lượng

Sản xuất từ nhiều nguồn: nhiệt điện, thủy điện, tuabin khí

c. Sản lượng

Khoảng 15 000 tỉ kWh

d. Phân bố

Chủ yếu ở các nước phát triển.

CÔNG NGHIỆP ĐIỆN TỬ - TIN HỌC

1. Vai trò

- Là ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều nước.
- Là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kỹ thuật của mọi quốc gia trên thế giới.

2. Đặc điểm

- Ít gây ô nhiễm môi trường, không chiếm diện tích rộng, không tiêu thụ nhiều kim loại, điện và nước.
- Yêu cầu nguồn lao động trẻ có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.

3. Phân loại

- Máy tính (thiết bị công nghệ, phần mềm).
- Thiết bị điện tử (linh kiện điện tử, các tụ điện, ...).
- Điện tử tiêu dùng (tivi màu, cát sét, đầu đĩa, ...).
- Thiết bị viễn thông (máy fax, điện thoại, ...).

4. Phân bố

Đứng hàng đầu là Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, ...

CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG

1. Vai trò

Sản xuất sản phẩm tiêu dùng phục vụ đời sống con người hằng ngày.

2. Đặc điểm

- Sử dụng nhiên liệu, động lực và chi phí vận tải ít hơn các ngành khác.
- Cần lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- Cần ít vốn, khả năng quay vòng vốn nhanh.
- Quy trình sản xuất tương đối đơn giản, thu lợi nhanh, sản phẩm có khả năng xuất khẩu.

3. Phân loại

- Gồm nhiều ngành khác nhau, đa dạng về sản phẩm và phức tạp về trình độ kỹ thuật.
- Các ngành chính: dệt - may, da giày, nhựa, sành - sứ - thủy tinh. Trong đó dệt - may là ngành chủ đạo.

4. Phân bố

Các nước có ngành dệt - may phát triển: Trung Quốc, Ấn Độ, ... Thị trường tiêu thụ hàng dệt - may rất lớn: EU, Nhật Bản, Bắc Mỹ, ...

CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM

1. Vai trò

- Cung cấp các sản phẩm đáp ứng nhu cầu hằng ngày của con người về ăn, uống.
- Thúc đẩy nông nghiệp phát triển, tăng thêm giá trị sản phẩm nông nghiệp.
- Tạo khả năng xuất khẩu, tích lũy vốn, cải thiện đời sống người dân.
- Vai trò chủ đạo đối với các nước đang phát triển.

2. Đặc điểm

- Sử dụng nguyên liệu chủ yếu từ nông nghiệp.
- Tốn ít vốn đầu tư xây dựng.
- Khả năng quay vòng vốn nhanh.

3. Phân loại

- Chế biến các sản phẩm từ trồng trọt.
- Chế biến các sản phẩm từ chăn nuôi.
- Chế biến thủy hải sản.

4. Phân bố

Rộng khắp các nước trên thế giới.

TỔ CHỨC LÃNH THỎ CÔNG NGHIỆP

1. Vai trò

- Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, vật chất và lao động.
- Đạt hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường.
- Góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Một số hình thức

a. Điểm công nghiệp

- Đồng nhất với một điểm dân cư.
- Gồm 1 đến 2 xí nghiệp nằm gần nguồn nguyên - nhiên liệu công nghiệp hoặc vùng nguyên liệu nông sản.
- Không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp.

b. Khu công nghiệp tập trung

- Khu vực có ranh giới rõ ràng, có vị trí thuận lợi.
- Tập trung tương đối nhiều các xí nghiệp với khả năng hợp tác, sản xuất cao.
- Sản xuất các sản phẩm vừa để tiêu dùng trong nước, vừa xuất khẩu.
- Có các xí nghiệp dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp.

c. Trung tâm công nghiệp

- Gắn với đô thị vừa và lớn, có vị trí địa lí thuận lợi.
- Bao gồm khu công nghiệp, điểm công nghiệp và nhiều xí nghiệp công nghiệp có mối liên hệ chặt chẽ về sản xuất, kĩ thuật, công nghệ.
- Có các xí nghiệp nông cốt (hay hạt nhân).
- Có các xí nghiệp bổ trợ và phục vụ.

d. Vùng công nghiệp

- Vùng lãnh thổ rộng lớn.
- Bao gồm nhiều điểm, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp có mối liên hệ về sản xuất và có những nét tương đồng trong quá trình hình thành công nghiệp.
- Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên hướng chuyên môn hóa.
- Có các ngành phục vụ và bổ trợ.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đặc điểm chung của hai giai đoạn trong sản xuất công nghiệp là

- A. điều tác động vào đối tượng lao động
- B. điều tạo ra tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng
- C. điều cần có nguyên liệu để sản xuất
- D. điều sản xuất bằng máy móc

Câu 2. Đặc điểm nào sau đây không đúng với ngành công nghiệp?

- A. Sản xuất bao gồm hai giai đoạn
- B. Sản xuất phân tán trong không gian
- C. Sản xuất công nghiệp bao gồm nhiều ngành phức tạp, được phân công tỉ mỉ, có sự phối hợp chặt chẽ để tạo ra sản phẩm cuối cùng
- D. Sản xuất có tính tập trung cao độ

Câu 3. Công nghiệp có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân vì

- A. góp phần tạo điều kiện khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở các vùng khác nhau, thay đổi sự phân công lao động
- B. thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế, cung cấp hầu hết các tư liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật cho các ngành khác
- C. có khả năng sản xuất ra nhiều sản phẩm mới mà không có ngành nào làm được
- D. có khả năng mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường, tạo ra nhiều việc làm mới, tăng thu nhập

Câu 4. Việc phân loại các ngành công nghiệp thành công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ dựa vào

- A. công dụng kinh tế của sản phẩm. B. nguồn gốc sản phẩm
C. tính chất sở hữu của sản phẩm D. tính chất tác động đến đối tượng lao động

Câu 5. Nhân tố nào có tác động đến lực lượng sản xuất và thị trường tiêu thụ?

- A. Dân cư - lao động B. Thị trường
C. Tiến bộ khoa học - kĩ thuật D. Đường lối chính sách

Câu 6. Đặc điểm nào của khoáng sản sẽ chi phối sự phân bố, quy mô, cơ cấu và tổ chức các xí nghiệp công nghiệp?

- A. Trữ lượng, chất lượng, chủng loại, màu sắc của khoáng sản
B. Chất lượng, chủng loại, phân bố, màu sắc của khoáng sản
C. Màu sắc, trữ lượng, chủng loại, phân bố của khoáng sản
D. Trữ lượng, chất lượng, chủng loại, phân bố của khoáng sản

Câu 7. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp bao gồm

- A. dân cư - nguồn lao động, thị trường, khoa học - kĩ thuật
B. vị trí địa lí, tự nhiên và kinh tế - xã hội
C. tự nhiên, kinh tế, chính trị
D. khoáng sản, khí hậu, nguồn nước, đất, rừng, biển

Câu 8. Ngành công nghiệp nào có vai trò chủ đạo đối với các nước đang phát triển?

- A. Công nghiệp điện tử - tin học B. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng
C. Công nghiệp thực phẩm D. Công nghiệp điện lực

Câu 9. Ngành công nghiệp nào được cho là tiền đề của tiến bộ khoa học kĩ thuật?

- A. Công nghiệp điện tử - tin học B. Công nghiệp năng lượng
C. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng D. Công nghiệp thực phẩm

Câu 10. Ở nước ta, ngành công nghiệp nào cần được ưu tiên đi trước một bước?

- A. Điện lực B. Sản xuất hàng tiêu dùng
C. Chế biến dầu khí D. Chế biến thực phẩm

Câu 11. Những nước có sản lượng khai thác than lớn là những nước

- A. đang phát triển B. có trữ lượng than lớn
C. phát triển D. có trình độ công nghệ cao

Câu 12. Ở nước ta, vùng than lớn nhất hiện đang khai thác nằm ở tỉnh nào?

- A. Lạng Sơn B. Hòa Bình C. Quảng Ninh D. Cà Mau

Câu 13. Nước nào sau đây có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất trên thế giới?

- A. Hoa Kỳ B. A-rập Xê-ut C. Việt Nam. D. Trung Quốc

Câu 14. Ở nước ta hiện nay, dầu mỏ đang được khai thác nhiều ở vùng nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 15. Nhìn vào sản lượng điện bình quân theo đầu người có thể đánh giá được

- A. tiềm năng thủy điện của một nước
- B. sản lượng than khai thác của một nước
- C. tiềm năng dầu khí của một nước
- D. trình độ phát triển và văn minh của đất nước

Câu 16. Thiết bị công nghệ, phần mềm là sản phẩm của nhóm ngành công nghiệp điện tử - tin học nào sau đây?

- A. Máy tính
- B. Thiết bị điện tử
- C. Điện tử tiêu dùng
- D. Thiết bị viễn thông

Câu 17. Quốc gia và khu vực nào đứng đầu thế giới về lĩnh vực công nghiệp điện tử - tin học?

- A. ASEAN, Ca-na-đa, Ấn Độ
- B. Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU
- C. Hàn Quốc, Ô-xtrây-li-a, Xin-ga-po
- D. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nam Phi

Câu 18. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng bao gồm

- A. thịt, cá hộp và đông lạnh, rau quả sấy
- B. dệt - may, chế biến sữa, sành - sứ - thủy tinh
- C. nhựa, sành - sứ - thủy tinh, nước giải khát
- D. dệt - may, da giày, nhựa, sành - sứ - thủy tinh

Câu 19. Trên thế giới, các nước có ngành dệt - may phát triển là

- A. Liên bang Nga, U-gan-đa, Nam Phi, Tây Ban Nha
- B. Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Nhật Bản
- C. Mê-hi-cô, Hàn Quốc, Lào, Cam-pu-chia
- D. A-rập Xê-ut, Ê-ti-ô-pi, Kê-ni-a, Xu-đăng

Câu 20. Ngành công nghiệp thực phẩm hiện nay phân bố ở

- A. châu Âu và châu Á
- B. mọi quốc gia trên thế giới
- C. châu Phi và châu Mỹ
- D. Châu Đại Dương và châu Á

Câu 21. Than, dầu mỏ, điện là sản phẩm của ngành công nghiệp

- A. hóa chất
- B. năng lượng.
- C. sản xuất vật liệu xây dựng
- D. cơ khí

Câu 22. Đặc điểm của điểm công nghiệp là

- A. khu vực có ranh giới rõ ràng, có vị trí thuận lợi

- B. là một vùng lãnh thổ rộng lớn
- C. đồng nhất với một điểm dân cư
- D. gắn với đô thị vừa và lớn

Câu 23. Có một vài ngành công nghiệp tạo nên hướng chuyên môn hóa, đó là đặc điểm của

- A. vùng công nghiệp.
- B. trung tâm công nghiệp
- C. khu công nghiệp tập trung
- D. điểm công nghiệp

Câu 24. Ưu điểm lớn nhất của điểm công nghiệp là

- A. có vị trí địa lí thuận lợi
- B. sản xuất các sản phẩm vừa để tiêu dùng trong nước, vừa để xuất khẩu
- C. hướng chuyên môn hóa thể hiện rõ
- D. có tính cơ động để ứng phó với sự thay đổi về thiết bị và thị trường

Câu 25. Nội dung nào không đúng khi nói về vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp?

- A. Sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên, vật chất và lao động
- B. Là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp hiện đại
- C. Đạt hiệu quả cao về kinh tế, xã hội, môi trường
- D. Thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

Câu 26. Gắn với các đô thị vừa và lớn, có vị trí địa lí thuận lợi là đặc điểm của hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào?

- A. Điểm công nghiệp
- B. Trung tâm công nghiệp
- C. Khu công nghiệp tập trung
- D. Vùng công nghiệp

Câu 27. Bao gồm khu công nghiệp, điểm công nghiệp và nhiều xí nghiệp công nghiệp có mối liên hệ chặt chẽ về sản xuất, kĩ thuật, công nghệ là đặc điểm của

- A. vùng công nghiệp
- B. trung tâm công nghiệp
- C. khu công nghiệp tập trung
- D. điểm công nghiệp

Câu 28. Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào sau đây có trình độ cao nhất, quy mô lớn nhất?

- A. vùng công nghiệp
- B. trung tâm công nghiệp
- C. khu công nghiệp tập trung
- D. điểm công nghiệp

Câu 29. Gồm 1 đến 2 xí nghiệp riêng lẻ, phân bố gần vùng nguyên - nhiên liệu là đặc điểm của

- A. vùng công nghiệp
- B. trung tâm công nghiệp
- C. khu công nghiệp tập trung
- D. điểm công nghiệp

Câu 30. Cho bảng số liệu:

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI, THỜI KÌ 1950 – 2013

Sản phẩm \ Năm	1950	1960	1990	2003	2010	2013
Than (triệu tấn)	1820	2603	3387	5300	6025	6859
Dầu mỏ (triệu tấn)	523	1052	3331	3904	3615	3690
Điện (tỉ kWh)	967	2304	11832	14851	21268	23141
Thép (triệu tấn)	189	346	770	870	1175	1393

(Nguồn: số liệu thống kê về Việt Nam và thế giới, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp trên thế giới, thời kì 1950 - 2013, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất?

- A. miền B. cột C. đường D. tròn

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Em hãy nêu rõ hai giai đoạn của sản xuất công nghiệp.

Câu 2. Hãy phân tích và cho ví dụ về ảnh hưởng của từng nhân tố đối với sự phân bố công nghiệp.

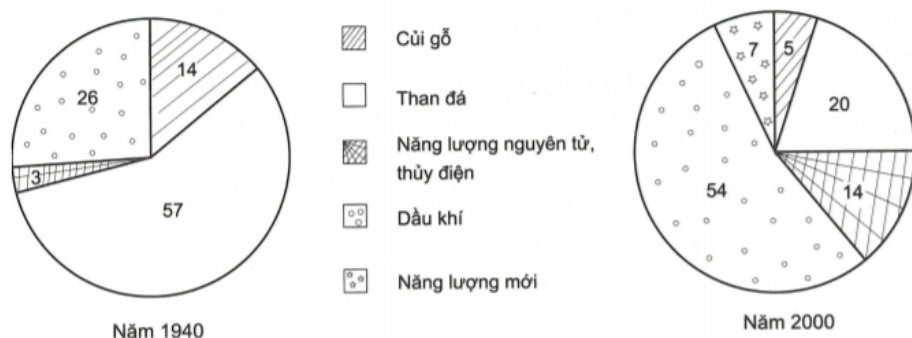
Câu 3. Tại sao tỉ trọng của ngành công nghiệp trong cơ cấu GDP là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá trình độ phát triển kinh tế?

Câu 4. Hãy so sánh đặc điểm của sản xuất công nghiệp và nông nghiệp.

Câu 5. Theo em, trong điều kiện hiện nay, nhân tố nào đóng vai trò quan trọng đối với sự phân bố công nghiệp?

Câu 6. Dựa vào kiến thức đã học kết hợp với lược đồ trữ lượng dầu mỏ và sản lượng khai thác dầu mỏ trên thế giới, thời kì 2000 - 2003; lược đồ phân bố sản lượng điện năng thế giới, thời kì 2000 - 2003; em hãy nêu lên đặc điểm phân bố công nghiệp dầu mỏ và công nghiệp điện trên thế giới.

Câu 7. Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRÊN THẾ GIỚI NĂM 1940 VÀ NĂM 2000 (%)

Dựa vào biểu đồ đã cho, em hãy nhận xét sự thay đổi trong cơ cấu sử dụng năng lượng trên thế giới năm 1940 và năm 2000. Giải thích.

Câu 8. Trình bày sự phát triển của ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 9. Căn cứ vào lược đồ sản xuất ô tô và máy thu hình trên thế giới năm 2000, em hãy nhận xét đặc điểm phân bố sản xuất ô tô và máy thu hình trên thế giới?

Câu 10. Em hãy nêu ví dụ cụ thể về các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp có mặt ở Việt Nam hay địa phương.

Câu 11. Em hãy nêu những đặc điểm chính của các hình thức lãnh thổ công nghiệp.

Câu 12. Tại sao ở các nước đang phát triển châu Á, trong đó có Việt Nam, phổ biến hình thức khu công nghiệp tập trung?

Câu 13. Cho bảng số liệu:

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI, THỜI KÌ 1950 – 2013

Năm Sản phẩm	1950	1960	1990	2003	2010	2013
Than (triệu tấn)	1820	2603	3387	5300	6025	6859
Dầu mỏ (triệu tấn)	523	1052	3331	3904	3615	3690
Điện (tỉ kWh)	967	2304	11832	14851	21268	23141
Thép (triệu tấn)	189	346	770	870	1175	1393

(Nguồn: số liệu thống kê về Việt Nam và thế giới, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

- Dựa vào bảng số liệu, em hãy vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng các sản phẩm công nghiệp trên thế giới, thời kì 1950 – 2013.

- Nhận xét.

ĐÁP ÁN

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1-D	2-B	3-B	4-A	5-A	6-D	7-B	8-C	9-B	10-A
11-B	12-C	13-B	14-C	15-D	16-A	17-B	18-D	19-B	20-B
21-B	22-C	23-A	24-D	25-B	26-B	27-B	28-A	29-D	30-C

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Em hãy nêu rõ hai giai đoạn của sản xuất công nghiệp.

Hai giai đoạn của sản xuất công nghiệp:

- Giai đoạn 1: tác động vào đối tượng lao động để tạo ra nguyên liệu (khai thác khoáng sản, gỗ, đánh cá, ...).

- Giai đoạn 2: chế biến nguyên liệu thành tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng trong xã hội (chế biến gỗ, thực phẩm, sản xuất ra các loại máy móc, ...)

=> Cả hai giai đoạn của sản xuất công nghiệp đều sản xuất bằng máy móc.

Câu 2. Hãy phân tích và cho ví dụ về ảnh hưởng của từng nhân tố đối với sự phân bố công nghiệp.

Phân tích và cho ví dụ về ảnh hưởng của các nhân tố đối với sự phân bố công nghiệp:

- Vị trí địa lí:

+ Vị trí về tự nhiên và kinh tế, chính trị có tác động rất lớn đến việc lựa chọn địa điểm để xây dựng các nhà máy, các khu công nghiệp, khu chế xuất ở trên thế giới và Việt Nam.

+ Vùng có vị trí địa lí thuận lợi (giáp biển, gần vùng nguyên - nhiên liệu, giao thông phát triển, ...) hoạt động công nghiệp phát triển mạnh mẽ; ngược lại vùng miền núi xa xôi hoạt động công nghiệp kém phát triển hơn.

Ví dụ: TP. Hồ Chí Minh là nơi có nền công nghiệp phát triển hàng đầu cả nước, thu hút mạnh mẽ nguồn vốn đầu tư nước ngoài, nhờ có vị trí địa lí thuận lợi: là đầu mối giao thông của nước ta, đô thị phát triển, giáp Biển Đông, có cảng Sài Gòn với công suất lớn, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, gần các vùng nguyên - nhiên liệu giàu có (giáp vùng nông sản Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long; các tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ cũng giàu nguyên - nhiên liệu để phục vụ cho việc sản xuất công nghiệp của TP. Hồ Chí Minh, đặc biệt là nguồn tài nguyên dầu mỏ).

- Nhân tố tự nhiên:

+ Khoáng sản: là nguyên - nhiên liệu quan trọng cho phát triển công nghiệp; trữ lượng, chất lượng, chủng loại, phân bố của khoáng sản trên lãnh thổ sẽ chi phối sự phân bố, quy mô, cơ cấu và tổ chức các xí nghiệp công nghiệp.

Ví dụ: ngành công nghiệp khai thác và tuyển than của nước ta tập trung ở Quảng Ninh, nơi chiếm 94% trữ lượng than cả nước, hay các nhà máy xi măng lớn của nước ta đều được xây dựng ở những nơi có nguồn đá vôi phong phú như: Hoàng Thạch (Hải Dương), Bỉm Sơn (Thanh Hóa), Hà Tiên I (Kiên Giang).

+ Nguồn nước: là điều kiện quan trọng cho việc phân bố các xí nghiệp của nhiều ngành công nghiệp như luyện kim (đen và màu), dệt, nhuộm, giấy, hóa chất, chế biến thực phẩm, ... ở những vùng có mạng lưới sông ngòi dày đặc, lại chảy trên những địa hình khác nhau tạo nên nhiều tiềm năng cho công nghiệp thủy điện.

Ví dụ: Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên là hai vùng có tiềm năng thủy điện lớn nhất nước ta, góp phần cung cấp điện cho hoạt động sản xuất kinh tế, đặc biệt là sản xuất công nghiệp của cả nước.

+ Khí hậu: đặc điểm khí hậu và thời tiết tác động không nhỏ đến hoạt động của các ngành công nghiệp khai khoáng. Trong một số trường hợp, nó chi phối việc lựa chọn kỹ thuật và công nghệ sản xuất. Chẳng hạn, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa làm cho máy móc dễ bị hư hỏng. Điều đó đòi hỏi phải nhiệt đới hóa trang thiết bị sản xuất. Ngoài ra, khí hậu đa dạng và phức tạp làm xuất hiện những tập đoàn cây trồng, vật nuôi đặc thù. Đó là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

+ Các nhân tố tự nhiên khác:

- Đất đai - địa chất để xây dựng các nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp.

Ví dụ: các trung tâm công nghiệp nước ta phân bố chủ yếu ở vùng thị trấn, đô thị, thành phố lớn, ... đây là những khu vực địa hình bằng phẳng, địa chất ổn định và giao thông dễ dàng.

- Tài nguyên rừng: là cơ sở cung cấp vật liệu xây dựng (gỗ, tre, nứa, ...), nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến giấy, gỗ và các ngành tiểu thủ công nghiệp (tre, song, mây, giang, trúc, ...), dược liệu cho công nghiệp dược phẩm.

Ví dụ: vùng trồng rừng phát triển hình thành nên các điểm công nghiệp, các xí nghiệp khai thác và sản xuất gỗ như ở Gia Nghĩa (Đắk Nông), Plây Ku (Gia Lai), ...

- Tài nguyên biển (hải sản, dầu khí, cảng nước sâu, ...), tác động tới việc hình thành các xí nghiệp chế biến thủy sản, khai thác, lọc dầu, xí nghiệp đóng và sửa chữa tàu.

Ví dụ: công nghiệp chế biến là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta nhờ nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú (nguồn thủy hải sản, nông sản, ...); các tỉnh giáp biển hình thành các khu kinh tế ven biển phát huy thế mạnh phát triển tổng hợp kinh tế biển (Vân Đồn, Vũng Áng, Định An, ...).

- Nhân tố kinh tế - xã hội:

+ Dân cư và nguồn lao động:

- Nơi có nguồn lao động dồi dào cho phép phát triển và phân bố các ngành công nghiệp cần nhiều lao động như dệt - may, da giày, công nghiệp thực phẩm. Đây là những ngành không đòi hỏi trình độ công nghệ và chuyên môn cao.

- Nơi có đội ngũ lao động kỹ thuật cao, công nhân lành nghề gắn với các ngành công nghiệp hiện đại, đòi hỏi hàm lượng công nghệ và chất xám cao trong sản phẩm như: kỹ thuật điện, điện tử - tin học, cơ khí chính xác, ...
- Dân cư đông còn tạo nên thị trường tiêu thụ rộng lớn, thúc đẩy sản xuất công nghiệp phát triển.

Ví dụ: nước ta có nguồn lao động trẻ, dồi dào, năng động và giá rẻ sẽ thu hút nhiều vốn đầu tư từ nước ngoài (Hàn Quốc, Đài Loan, Xin-ga-po, ...). Lao động đông cũng tạo nên thế mạnh các ngành kinh tế trọng điểm ở nước ta như: công nghiệp chế biến, dệt - may, sản xuất hàng tiêu dùng, cơ khí, ...

+ Tiến bộ khoa học kỹ thuật:

Làm thay đổi hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và sự phân bố hợp lý các xí nghiệp công nghiệp.

Ví dụ: Phương pháp khí hóa than ngay trong lòng đất không những làm thay đổi hẳn điều kiện lao động mà còn cho phép khai thác những mỏ than ở sâu trong lòng đất mà trước đây chưa thể khai thác được. Các xí nghiệp luyện kim đen trước đây thường gắn với mỏ than và quặng sắt. Nhờ phương pháp điện luyện hay lò thổi ôxi mà sự phân bố các xí nghiệp luyện kim đã thay đổi.

+ Thị trường: có tác động mạnh mẽ tới quá trình lựa chọn vị trí xí nghiệp, hướng chuyên môn hóa sản xuất; đẩy mạnh sản xuất, tăng sức cạnh tranh và nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo nên thị hiếu tiêu dùng mới.

Ví dụ: hiện nay, nhờ cơ chế thông thoáng mở rộng thị trường, nước ta đã có nhiều sản phẩm có vị trí nhất định ở cả thị trường trong nước lẫn quốc tế như: Hoa Kỳ, EU, ... (các sản phẩm của dệt may; chế biến lương thực, thực phẩm; da giày, ...).

+ Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất - kỹ thuật: giao thông và thông tin liên lạc, điện nước là những hệ thống cơ sở hạ tầng cơ bản và quan trọng nhất để phát triển kinh tế ở một khu vực. Nơi có hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn thiện sẽ thu hút đầu tư và phát triển kinh tế.

Ví dụ: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh là hai đô thị có hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn thiện và đông bộ nhất nước ta. Vì vậy, đây là nơi thu hút mạnh nhất các nguồn vốn đầu tư, là hai trung tâm kinh tế phát triển nhất cả nước.

Ngược lại, Trung du miền núi Bắc Bộ mặc dù có nguồn tài nguyên giàu có nhất cả nước nhưng cơ sở hạ tầng còn yếu kém, nên chưa thu hút được nhiều vốn đầu tư để phát triển kinh tế.

+ Đường lối chính sách: chính sách mở cửa hội nhập trong xu thế hiện nay sẽ giúp nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, mở rộng thị trường và thu hút vốn đầu tư.

Ví dụ: nhờ chính sách đổi mới kinh tế năm 1986, phát triển nền kinh tế thị trường, nền kinh tế nhiều thành phần kinh tế (Nhà nước, ngoài Nhà nước và có vốn đầu tư nước ngoài), gia nhập các tổ chức kinh tế (WTQ, ASEAN, ...) đã giúp nền kinh tế Việt Nam thoát sự trì trệ sau chiến tranh và tăng trưởng kinh tế khá cao.

Câu 3. Tại sao tỉ trọng của ngành công nghiệp trong cơ cấu GDP là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá trình độ phát triển kinh tế?

** Tỉ trọng của ngành công nghiệp trong cơ cấu GDP là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá trình độ phát triển kinh tế vì:*

- Cơ cấu GDP là thu nhập bình quân theo đầu người.
- Công nghiệp là ngành sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn cho xã hội, có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.
- Công nghiệp có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác như: nông nghiệp, giao thông vận tải, thương mại, dịch vụ, an ninh quốc phòng.

Ví dụ: ở những nước có nền kinh tế phát triển, tỉ trọng của các ngành công nghiệp và dịch vụ thường chiếm trên 95% trong tổng cơ cấu GDP như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Anh, ... Trong khi đó, phần lớn các nước đang phát triển, tỉ trọng của ngành nông, lâm, ngư nghiệp chiếm từ 40 - 50% như: Lào, En-ti-ô-pi, Ghi-nê Bit-xao, ...

=> Một nước có tỉ trọng GDP trong công nghiệp cao, chứng tỏ công nghiệp phát triển → trình độ phát triển công nghiệp biểu thị trình độ phát triển và sự vững mạnh của nền kinh tế nước đó.

Câu 4. Hãy so sánh đặc điểm của sản xuất công nghiệp và nông nghiệp.

** So sánh đặc điểm của sản xuất công nghiệp và nông nghiệp:*

- Giống nhau:
 - + Đều là ngành sản xuất hàng hóa.
 - + Đều tạo ra sản phẩm mang nhiều lợi ích, phục vụ cho nhu cầu của con người.
- Khác nhau:

Đặc điểm	Sản xuất công nghiệp	Sản xuất nông nghiệp
Giai đoạn sản xuất	Gồm hai giai đoạn, hai giai đoạn này diễn ra đồng thời hoặc cách xa nhau về mặt không gian	Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cây con, có sự sinh trưởng và phát triển qua nhiều giai đoạn kế tiếp, theo quy luật sinh học.

		=> Cần tôn trọng quy luật sinh học.
Mức độ tập trung	Sản xuất công nghiệp có tính chất tập trung cao độ (trên một diện tích đất nhất định có thể xây dựng nhiều xí nghiệp, thu hút nhiều lao động và tạo ra khối lượng hàng hóa lớn).	- Sản xuất nông nghiệp phân tán trên một không gian rộng lớn. - Mang tính mùa vụ.
Sản phẩm	Sản phẩm là những vật vô tri vô giác (tư liệu sản xuất, vật phẩm tiêu dùng, máy móc).	Sản phẩm là những cá thể sống (cây, con).
Mức độ phụ thuộc tự nhiên	Ít phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên	Phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên.
Tính chuyên môn hóa	- Tính chuyên môn hóa cao, hợp tác hóa cao. - Sản xuất công nghiệp bao gồm nhiều ngành phức tạp, được phân công tỉ mỉ và có sự phối hợp giữa nhiều ngành để tạo ra sản phẩm cuối cùng.	Hình thành các vùng chuyên môn hóa nông nghiệp.

Câu 5. Theo em, trong điều kiện hiện nay, nhân tố nào đóng vai trò quan trọng đối với sự phân bố công nghiệp?

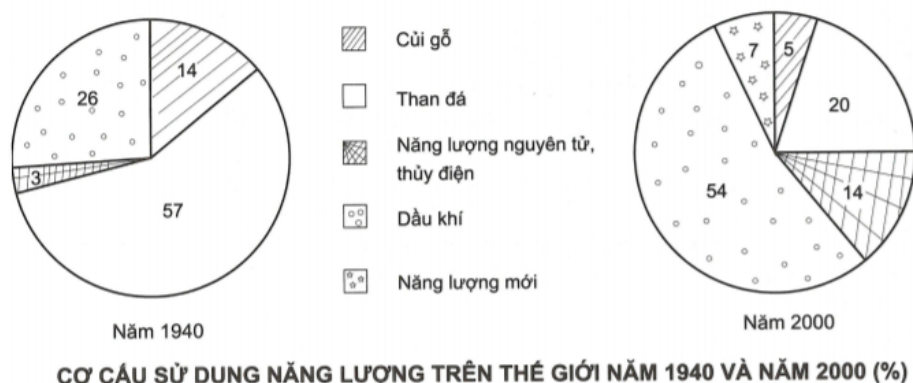
Trong điều kiện hiện nay, vị trí địa lý là nhân tố đóng vai trò quan trọng và có tác động rất lớn đến việc lựa chọn các nhà máy, các khu công nghiệp, khu chế xuất ở trên thế giới. Cụ thể là vị trí giáp biển, gần các trung tâm kinh tế năng động, ... tạo nhiều điều kiện giao lưu trao đổi sản phẩm - nguyên nhiên liệu trong ngành công nghiệp, mở rộng thị trường, thu hút lao động, tạo bàn đạp để các nước tiến dần ra biển.

Câu 6. Dựa vào kiến thức đã học kết hợp với lược đồ trữ lượng dầu mỏ và sản lượng khai thác dầu mỏ trên thế giới, thời kì 2000 - 2003; lược đồ phân bố sản lượng điện năng thế giới, thời kì 2000 - 2003; em hãy nêu lên đặc điểm phân bố công nghiệp dầu mỏ và công nghiệp điện trên thế giới.

Công nghiệp khai thác dầu mỏ phân bố chủ yếu ở các nước đang phát triển thuộc khu vực Trung Đông, Bắc Phi, Mỹ La-tinh, Trung Quốc và ở Liên bang Nga (các nước và khu vực có trữ lượng dầu mỏ lớn).

Công nghiệp điện lực tập trung chủ yếu ở các nước phát triển ở Bắc Mỹ, châu Âu, Nhật Bản. Ngoài ra, công nghiệp điện còn phát triển ở Hàn Quốc, Ấn Độ, Bra-xin, ... Các nước có bình quân sản lượng điện theo đầu người cao nhất là Na Uy, Ca-na-đa, Thụy Điển, Hoa Kỳ, ...

Câu 7. Cho biểu đồ:



Dựa vào biểu đồ đã cho, em hãy nhận xét sự thay đổi trong cơ cấu sử dụng năng lượng trên thế giới năm 1940 và năm 2000. Giải thích.

- Nhận xét sự thay đổi trong cơ cấu sử dụng năng lượng trên thế giới năm 1940 và năm 2000:

Cơ cấu sử dụng năng lượng thế giới có sự thay đổi theo hướng giảm tỉ trọng củi gỗ, than đá; tăng tỉ trọng dầu khí, năng lượng nguyên tử, thủy điện và năng lượng mới.

+ Trước hết là sự xuất hiện nguồn năng lượng mới với tỉ trọng khá cao 7% năm 2000.

+ Tiếp đến là năng lượng nguyên tử, thủy điện tăng 4,7 lần từ 3% năm 1940 tăng lên 14% năm 2000.

+ Tỉ trọng dầu khí tăng 2,1 lần, từ 26% năm 1940 tăng lên 54% năm 2000.

+ Tỉ trọng than đá giảm 2,9 lần từ 57% năm 1940 xuống còn 20% năm 2000.

+ Tỉ trọng củi, gỗ giảm 2,8 lần từ 14% năm 1940 xuống còn 5% năm 2000.

- Giải thích:

Những năm đầu thế kỉ XX, trình độ khoa học - kĩ thuật chưa phát triển, con người chủ yếu sử dụng nguồn nhiên liệu thô và có sẵn trong tự nhiên như củi gỗ và than đá.

Những năm cuối thế kỉ XX, dầu mỏ với những thuận lợi hơn trong việc sử dụng và vận chuyển, nên được sử dụng nhiều hơn than đá và trở thành năng lượng quy đổi.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật, năng lượng hạt nhân được nghiên cứu và phát triển mạnh mẽ.

Cuối thế kỉ XX do nguồn năng lượng than, dầu khí bị khai thác nhiều dẫn đến trữ lượng giảm đi đáng kể, cùng với hiệu ứng nhà kính, những cơn mưa axit, ô nhiễm môi trường ngày càng

nặng nề đã thúc đẩy con người tìm kiếm nguồn năng lượng mới là nguồn năng lượng sạch có thể tái tạo (năng lượng mặt trời, sức gió, địa nhiệt, thủy triều, ...).

Câu 8. Trình bày sự phát triển của ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

Ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng:

- Vai trò: sản xuất sản phẩm tiêu dùng phục vụ đời sống con người hằng ngày.

- Đặc điểm:

+ Sử dụng nhiên liệu, động lực và chi phí vận tải ít hơn các ngành khác.

+ Sử dụng nguồn nguyên liệu chủ yếu từ nông nghiệp.

+ Cần lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

+ Cần ít vốn, khả năng quay vòng vốn nhanh.

+ Quy trình sản xuất tương đối đơn giản, thu lợi nhanh, sản phẩm có khả năng xuất khẩu.

- Phân loại:

+ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng bao gồm nhiều ngành khác nhau, đa dạng về sản phẩm và phức tạp về trình độ kỹ thuật.

+ Các ngành chính: dệt - may, da giày, nhựa, sành - sứ - thủy tinh. Trong đó dệt - may là ngành chủ đạo.

+ Công nghiệp dệt - may là một trong những ngành chủ đạo và quan trọng của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng. Nó giải quyết nhu cầu về may mặc, sinh hoạt cho hơn 7 tỉ người trên Trái Đất và một phần nguyên liệu cho các ngành công nghiệp nặng. Phát triển công nghiệp dệt - may có tác dụng thúc đẩy nông nghiệp và các ngành công nghiệp nặng, đặc biệt là công nghiệp hóa chất, đồng thời còn có tác dụng giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, nhất là lao động nữ.

Sự ra đời của máy dệt ở nước Anh đã mở đầu cho cuộc cách mạng công nghiệp thế giới. Ngành dệt - may hiện nay được phân bố rộng rãi ở nhiều nước, kể cả các nước đang phát triển, dựa trên nguồn nguyên liệu tự nhiên và nhân tạo phong phú (như bông, lanh, lông cừu, tơ tằm, tơ sợi tổng hợp, len nhân tạo, ...), nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Phân bố:

+ Các nước có ngành dệt - may phát triển là Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Nhật Bản, ...

+ Thị trường tiêu thụ hàng dệt - may rất lớn, nhất là thị trường EU, Nhật Bản, Bắc Mỹ, Liên bang Nga và các nước Đông Âu. Hằng năm, mức tiêu thụ hàng dệt may ở các nước trên đạt 150 tỉ USD.

Câu 9. Căn cứ vào lược đồ sản xuất ô tô và máy thu hình trên thế giới năm 2000, em hãy

nhận xét đặc điểm phân bố sản xuất ô tô và máy thu hình trên thế giới?

Đặc điểm phân bố sản xuất ô tô và máy thu hình trên thế giới: sản xuất ô tô và máy thu hình tập trung chủ yếu ở các nước có nền kinh tế phát triển (Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Anh, Pháp, Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản) và các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Bra-xin, Tây Ban Nha, Ma-lai-xi-a. Đây là những nước có nguồn lao động trẻ, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.

Câu 10. Em hãy nêu ví dụ cụ thể về các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp có mặt ở Việt Nam hay địa phương.

Ví dụ về các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp có mặt ở Việt Nam:

- Điểm công nghiệp: sản xuất vật liệu xây dựng ở Đồng Hới (Quảng Bình); chế biến nông sản ở Bảo Lộc (Lâm Đồng); khai thác, chế biến lâm sản ở Plây ku (Gia Lai), ...

- Khu công nghiệp: khu công nghiệp Nam Thăng Long (Hà Nội), khu công nghiệp Bắc Thăng Long (Hà Nội), khu công nghiệp Bình Xuyên (Vĩnh Phúc), khu công nghiệp Quế Võ (Bắc Ninh), ...

- Ở Việt Nam còn có các khu chế xuất: khu chế xuất Tân Thuận, khu chế xuất Linh Trung, khu chế xuất Tân Tạo.

- Trung tâm công nghiệp: Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nha Trang, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Vũng Tàu, Cần Thơ, ...

- Vùng công nghiệp: theo quy hoạch của Bộ Công nghiệp (năm 2001), cả nước được chia thành sáu vùng công nghiệp:

- + Vùng 1: các tỉnh thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ (trừ Quảng Ninh).

- + Vùng 2: các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng và Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

- + Vùng 3: các tỉnh từ Quảng Bình đến Ninh Thuận.

- + Vùng 4: các tỉnh thuộc Tây Nguyên (trừ Lâm Đồng).

- + Vùng 5: các tỉnh Đông Nam Bộ và Bình Thuận, Lâm Đồng.

- + Vùng 6: các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 11. Em hãy nêu những đặc điểm chính của các hình thức lãnh thổ công nghiệp.

Tiêu chí	Điểm công nghiệp	Khu công nghiệp	Trung tâm công nghiệp	Vùng công nghiệp
Trình độ	Là hình thức tổ chức thấp nhất	Là hình thức tổ chức ở trình độ khá cao	Là hình thức tổ chức ở trình độ	Là hình thức tổ chức cao nhất

			cao	
Đặc điểm	- Đồng nhất với một điểm dân cư. - Gồm 1 đến 2 xí nghiệp nằm gần nguồn nguyên - nhiên liệu công nghiệp hoặc vùng nguyên liệu nông sản. - Không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp.	- Khu vực có ranh giới rõ ràng (vài trăm ha), có vị trí thuận lợi (gần cảng biển, quốc lộ lớn, gần sân bay). - Tập trung tương đối nhiều các xí nghiệp với khả năng hợp tác, sản xuất cao. - Sản xuất các sản phẩm vừa để tiêu dùng trong nước, vừa xuất khẩu. - Có các xí nghiệp dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp.	- Gần với đô thị vừa và lớn, có vị trí địa lí thuận lợi. - Bao gồm khu công nghiệp, điểm công nghiệp và nhiều xí nghiệp công nghiệp có mối liên hệ chặt chẽ về sản xuất, kĩ thuật, công nghệ. - Có các xí nghiệp nòng cốt (hay hạt nhân). - Có các xí nghiệp bổ trợ và phục vụ.	- Vùng lãnh thổ rộng lớn. - Bao gồm nhiều điểm, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp có mối liên hệ về sản xuất và có những nét tương đồng trong quá trình hình thành công nghiệp. - Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên hướng chuyên môn hóa. - Có các ngành phục vụ và bổ trợ.

Câu 12. Tại sao ở các nước đang phát triển châu Á, trong đó có Việt Nam, phổ biến hình thức khu công nghiệp tập trung?

Các nước đang phát triển châu Á, trong đó có Việt Nam, phổ biến hình thức khu công nghiệp tập trung vì:

- Các nước này đang trong giai đoạn tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Các khu công nghiệp tập trung được hình thành nhằm thu hút vốn đầu tư, công nghệ và kinh nghiệm quản lí của các nước phát triển. Ngoài ra, còn góp phần tạo nhiều việc làm cho người lao động và công nghiệp hướng ra xuất khẩu.

Câu 13. Cho bảng số liệu:

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI, THỜI KÌ 1950 – 2013

	Năm	1950	1960	1990	2003	2010	2013
Sản phẩm							

Than (triệu tấn)	1820	2603	3387	5300	6025	6859
Dầu mỏ (triệu tấn)	523	1052	3331	3904	3615	3690
Điện (tỉ kWh)	967	2304	11832	14851	21268	23141
Thép (triệu tấn)	189	346	770	870	1175	1393

(Nguồn: số liệu thống kê về Việt Nam và thế giới, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

- Dựa vào bảng số liệu, em hãy vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng các sản phẩm công nghiệp trên thế giới, thời kì 1950 – 2013.

- Nhận xét.

* *Xử lí số liệu:*

- Lấy năm 1950 = 100% (là năm gốc).

- Tính tốc độ tăng trưởng các năm còn lại bằng công thức:

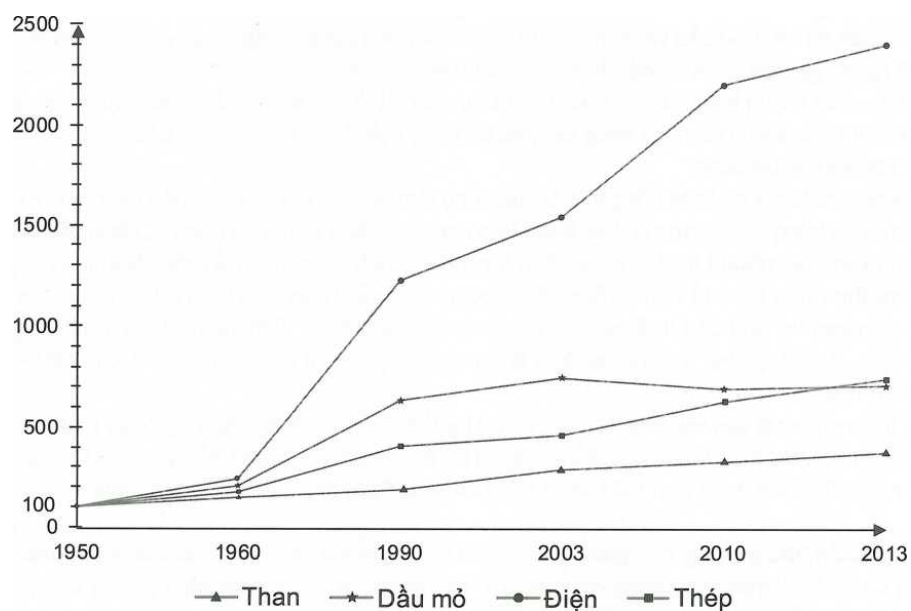
Tốc độ tăng trưởng năm cần tính = (giá trị số lượng của năm cần tính/giá trị sản lượng năm gốc) x100%

Ta có bảng số liệu mới như sau:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI, THỜI KÌ 1950 – 2013

Sản phẩm \ Năm	Năm					
	1950	1960	1990	2003	2010	2013
Than (triệu tấn)	100	143	186	291	331	377
Dầu mỏ (triệu tấn)	100	201	637	746	691	706
Điện (tỉ kWh)	100	238	1224	1536	2199	2393
Thép (triệu tấn)	100	183	407	460	622	737

* *Vẽ biểu đồ:*



BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI, THỜI KÌ 1950 - 2013 (%)

* *Nhận xét:*

Qua biểu đồ và bảng số liệu ta thấy:

- Điện có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất: Từ 100% (1950) - 2393% (2013) tăng 2293%.
- Thép có tốc độ tăng trưởng nhanh thứ 2: 100% (1950) - 737% (2013) tăng 637%.
- Tăng nhanh thứ 3 là dầu mỏ: 606%.
- Tăng chậm nhất là than: 277%.